

evidence-based guidelines from the APSA Outcomes and Evidence Based Practice Committee. *Journal of Pediatric Surgery*. 2019; 54: 675–687.

4. **Ken Kimura et al.** Multistaged extrathoracic esophageal elongation procedure for long gap esophageal atresia: Experience with 12 patients. *J Pediatr Surg*. 2001; 36(11):1725-7.
5. **Stevatanoff W et al.** Contemporary outcomes of the Foker process and evolution of treatment

algorithms for long-gap esophageal atresia. *J Pediatr Surg*. 2021; 56(12):2180-2191.

6. **Dylan Wanaguru et al.** Is fundoplication required after the Foker procedure for long gap esophageal atresia?. *J Pediatr Surg*. 2017; 52(7):1117-1120.
7. **Van Serooskerken et al.** Childhood outcome after correction of long-gap esophageal atresia by thoracoscopic external traction technique. *Journal of Pediatric Surgery*. 2021; 56 (2021): 1745–1751.

MÀU SẮC RĂNG TRƯỚC CỦA SINH VIÊN RĂNG HÀM MẶT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Phạm Như Hải¹, Nguyễn Thu Trà¹

TÓM TẮT

Màu sắc răng là yếu tố quan trọng trong việc tạo nên một nụ cười đẹp, nghiên cứu đã thực hiện so màu răng bằng bảng Vita 3D Master cho 64 sinh viên, trong đó có 21 nam và 43 nữ, độ tuổi 18-25, kết quả cho thấy Màu sắc răng trước phía trên của đa số sinh viên tham gia nghiên cứu có độ sáng (Value) ở mức độ 3 (nhóm răng cửa (50,8%), nhóm răng nanh (53,8%), nhóm răng hàm nhỏ(53,8%)), sau đây là mức độ 2 nhóm răng cửa 43,1%, nhóm răng nanh 40% và nhóm răng hàm nhỏ khoảng 41,5%. Màu răng trước hàm dưới thì có màu tối hơn so với nhóm răng trước hàm trên. sáng độ 1 và độ 5 không có răng nào, và sự khác biệt về giới không có ý nghĩa thống kê. Màu trung tính (M) và chiếm khoảng 50% còn lại là nhóm màu L (tông vàng) và R (tông đỏ). Đa số đối tượng nghiên cứu có màu răng cửa trên gần tương đồng với màu răng hàm nhỏ trên.

SUMMARY

COLOR OF FRONT TEETH OF DENTAL STUDENT, UNIVERSITY OF MEDICAL, VNU

Teeth color is an important factor in creating a beautiful smile, the study conducted a tooth color comparison using the Vita toothguide 3D Master ® for 64 students, including 21 men and 43 women, aged 18-25, The results show that the color of the upper front teeth of the majority of students participating in the study has a brightness level (Value) at grade 3: incisor group (50.8%), canine group (53.8%), group of premolars (53.8%), then the grade of 2: incisor group 43.1%, group of canines 40% and group of premolars about 41.5%. The color of the lower anterior teeth is darker than that of the upper teeth. Brightness grades 1 and 5 had no teeth, and the gender difference was not statistically significant.

Neutral colors (M) and about 50% of the rest are L (yellow tones) and R (red tones). Most of the study subjects had the color of the upper incisors close to the color of the upper premolars.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Màu sắc răng là yếu tố quan trọng trong việc tạo nên một nụ cười hấp dẫn. Răng trắng và đều màu thường được coi là một dấu hiệu sức khỏe và làm tăng sự tự tin khi cười. Ngược lại, răng có màu sậm, vết ố vàng, hoặc màu không đồng đều có thể làm giảm sự tự tin và gây ngại khi cười [1]. Răng trắng và đẹp là một yếu tố quan trọng trong việc giao tiếp và tạo ấn tượng tích cực với người khác. Nếu màu răng không được coi là đẹp, có thể làm mất tự tin và tự ti trong các tình huống gặp gỡ xã hội và giao tiếp công việc. Người có răng trắng và đẹp thường tự tin hơn khi chụp ảnh và chia sẻ hình ảnh của mình với người khác. Những người có răng màu không đẹp có thể cảm thấy mất tự tin, e ngại khi gặp gỡ người mới và tránh những tình huống yêu cầu sự xuất hiện công khai [2].

Màu sắc của răng được quyết định bởi tác động tổng hợp của màu sắc bên trong của chúng và sự hiện diện của các yếu tố bên ngoài tác động lên bề mặt răng. Ở Việt Nam có một số nghiên cứu về màu sắc răng, nhưng ít có nghiên cứu nào đi sâu đánh giá màu sắc răng tự nhiên [3]. vì vậy chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu nhận xét màu răng của sinh viên trường đại học Y dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội dựa vào bảng so màu Vita 3D master

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu từ 1/3 – 30/4 năm 2023, chọn đối tượng nghiên cứu theo tiêu chuẩn sau
Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu:

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Như Hải

Email: phamnhuhai@vnu.edu.vn

Ngày nhận bài: 8.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.7.2023

Ngày duyệt bài: 11.8.2023

- ✓ Sinh viên độ tuổi từ 18 – 25
- ✓ Hàm răng tự nhiên, chưa được thực hiện các điều trị nha khoa trước đó như tẩy trắng răng, hàn răng hay hoặc răng giả, nắn chỉnh răng
- ✓ Có sức khỏe răng miệng tốt, không viêm lợi, không có cao răng mảng bám, không có bệnh lý nội sinh và ngoại sinh ảnh hưởng đến màu sắc của răng

Tiêu chuẩn loại trừ:

1. Người có vấn đề sức khỏe răng miệng nghiêm trọng: bệnh lý nha khoa nặng, viêm nhiễm hoặc sâu răng không điều trị.
2. Đang được điều trị nha khoa liên quan đến màu sắc răng, chẳng hạn như tẩy trắng răng hoặc làm răng giả
3. Những người có các yếu tố khác ảnh hưởng đến màu sắc răng, như hút thuốc lá, sử dụng các loại thức ăn, nước uống hoặc các biện pháp làm nhuộm màu răng như: cà phê, trà,
4. bệnh nhân có tiền sử hoặc đang bị chấn thương răng dẫn đến thay đổi màu sắc răng.
5. Không đồng thuận tham gia nghiên cứu hoặc không đáp ứng đầy đủ yêu cầu nghiên cứu, chẳng hạn như không hoàn thành câu hỏi khảo sát, không thực hiện các quy trình đo lường, hoặc không tuân thủ theo quy định và hướng dẫn của nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu nghiên cứu cần có
p: tỷ lệ người có răng trắng màu theo Nguyễn Thị Châu (2003) là 0,85

d: khoảng sai lệch mong muốn tức tỷ lệ tuyệt đối được chúng tôi quy ước bằng 0.09

α: mức ý nghĩa thống kê được chúng tôi quy ước bằng 0.01 ứng với độ tin cậy 95%

$Z_{1-\alpha/2}$: giá trị Z tương ứng thu được bằng 1.96; Thay vào công thức, có: $n = 1.96^2 \times 0.85 \times (1 - 0.85) : 0.09^2 \approx 62$

Cỡ mẫu tối thiểu cần cho điều tra nghiên cứu là 62 sinh viên, chúng tôi khám cho 64 sinh viên, trong đó có 21 nam và 43 nữ

Các bước tiến hành nghiên cứu

Vật liệu và công cụ thu thập thông tin

Bộ dụng cụ khám
Ghế răng



Quy trình so màu răng với bảng Vita 3D Master

Bước 1: Chọn value (Xác định độ sáng tối), chọn một trong năm nhóm sao cho độ sáng tối của răng giống nhất với độ sáng tối của các cây loại M trong bảng so màu từ nhóm value đã chọn được.

Giữ bảng so màu trên tay cạnh miệng bệnh nhân (đặt bên phải)

Chọn nhóm 0, 1, 2, 3, 4 hoặc 5 (0 là sáng nhất và 5 là tối nhất)

Bắt đầu so với với nhóm tối nhất trước

Bước 2: Chọn chroma (Chọn độ tương phản), dùng tông màu trung gian nhóm (M) để xác định độ tương phản bằng cách xòe que mẫu M như rẻ quạt. Chọn một trong ba màu sắc tương tự, gần giống nhất với răng được so màu.

Bước 3: Chọn tông màu hue (Kiểm tra xem răng tự nhiên vàng (bên trái L), trung tính (M) hay đỏ (bên phải R) hơn so với bảng màu: so sánh với các cây loại L và R có cùng nhóm với cây loại M vừa chọn (cùng độ value và chroma), từ đó chọn ra cây có hue gần giống nhất với răng so màu, viết ký hiệu màu chọn theo quy ước của bảng so màu.

Khi so màu, mắt người so màu để ngang mức răng, khoảng cách từ răng đến mắt khoảng từ 25-35cm (tương ứng 10-14 inch). Góc chiếu sáng và góc nhìn của người so màu phù hợp nhất là 45 độ/0 độ hoặc 0 độ/45 độ; mắt người quan sát thường ở vị trí trung tâm và nguồn chiếu sáng từ 1 hướng, 2 hướng và xung quanh.

Răng so màu cần được làm sạch, để ở trạng thái tự nhiên, không quá khô hoặc không quá ướt. Thời gian so màu từ 5-7 giây để tránh mỏi mắt và quen màu, tránh nhìn liên tục và cần cho mắt nghỉ ngơi, thời gian nghỉ ngơi tối thiểu là 5 phút, nên nhìn vào màu xám nhạt khi thư giãn mắt giữa những lần so màu.

Vị trí đặt bảng so màu phụ thuộc vào phương pháp so màu và mục đích so màu, so màu pha macro thì đặt bảng so màu, sau đó chọn các cây tiếp tục cho pha sau như pha mini và pha micro.

Đặt giữa răng hàm trên và hàm dưới hoặc kế bên ngang mức rìa cắn răng cần so màu, tránh

đặt chồng lên phía trước hoặc phía sau răng cần so màu:

- Đặt đối đầu (rìa cắn - rìa cắn): Để so màu rìa cắn, nhưng không thể so màu cổ và thân răng.

- Đặt cổ - rìa cắn: Ít khi thực hiện.

- Đặt nằm ngang: Để so màu thân răng.

Phương pháp so màu theo mô hình ba pha macro - mini - micro, bắt đầu bằng pha macro bằng cách sử dụng toàn bộ bảng so màu, chọn và đặt sang một bên các màu được lựa chọn để dùng cho pha sau, loại bỏ các màu không phù hợp. Ở pha mini, các cây được lựa chọn thì chọn tiếp sao cho phù hợp về màu của cổ, thân và rìa cắn gần nhất với răng cần so màu. Ở pha micro thì so sánh chi tiết về hue, value và chroma. Không đặt rìa cắn hướng về phía kim loại của bảng so màu.

Chụp hình màu được chọn

Ghi lại kết quả khám theo các biến: Tuổi, giới, Màu sắc răng theo các giá trị Value, Chrome, Hue

Sai số và cách hạn chế sai số: Tuân thủ những một số nguyên tắc sau giúp giảm sai số và đạt được kết quả gần đúng nhất trong quá

trình so màu. để hạn chế sai số chúng tôi thực hiện như sau.

Sử dụng điều kiện ánh sáng chuẩn: Đảm bảo răng được so màu trong điều kiện ánh sáng tự nhiên hoặc ánh sáng có màu sắc và cường độ đồng nhất. Tránh ánh sáng mạnh quá mức hoặc ánh sáng có màu sắc biến đổi có thể ảnh hưởng đến quá trình so màu.

Đảm bảo môi trường không màu nhiễu: Tránh môi trường có màu sắc nổi bật hoặc quá phức tạp, vì nó có thể gây nhiễu và ảnh hưởng đến quá trình so màu. Một phòng chụp màu riêng biệt hoặc môi trường có màu trung lập có thể được sử dụng để giảm sai số.

Người so màu được huấn luyện về cách so màu so màu răng để giảm sai số. cần có thể có những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để nhận biết và đánh giá màu sắc răng một cách chính xác.

Kiểm tra lại kết quả với đánh giá thứ 2 và thảo luận: Kiểm tra lại kết quả so màu và thảo luận với người đánh giá thứ 2 để đảm bảo tính chính xác và đáng tin cậy của quá trình so màu.

Xử lý kết quả nghiên cứu bằng phần mềm R

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của màu sắc răng

| Màu răng | Răng hàm nhỏ trên | Răng nanh trên | Răng cửa trên | Răng cửa dưới | Răng nanh dưới | Răng hàm nhỏ dưới |
|----------|-------------------|----------------|---------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1M1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1M2 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 2L1.5 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 |
| 2L2.5 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 2M1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 2M2 | 8 | 4 | 10 | 9 | 3 | 6 |
| 2M3 | 3 | 13 | 2 | 2 | 12 | 2 |
| 2R1.5 | 4 | 1 | 10 | 1 | 0 | 2 |
| 2R2.5 | 9 | 9 | 3 | 2 | 1 | 5 |
| 3L1.5 | 0 | 0 | 2 | 1 | 1 | 0 |
| 3L2.5 | 4 | 0 | 0 | 3 | 3 | 3 |
| 3M1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 0 | 1 |
| 3M2 | 12 | 7 | 15 | 23 | 1 | 15 |
| 3M3 | 6 | 16 | 0 | 4 | 25 | 6 |
| 3R1.5 | 7 | 0 | 11 | 7 | 2 | 4 |
| 3R2.5 | 5 | 6 | 3 | 4 | 7 | 16 |
| 4L1.5 | 2 | 1 | 1 | 0 | 2 | 0 |
| 4L2.5 | 0 | 0 | 0 | 1 | 4 | 1 |
| 4M1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 4M2 | 0 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 4M3 | 0 | 1 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| 4R1.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4R2.5 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| 5M1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5M2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5M3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nhận xét: Màu răng cửa trên của nhóm nghiên cứu chủ yếu là màu 3M2 (15/64 = 23.44%), 3R1.5 (11/64 = 17.19%) sau đấy là màu 2R2 (10/64 = 15.63%) và 2M2 (10/64 = 15.63%), chủ yếu là màu trung tính (M) và độ Hue nghiêng về màu đỏ (R)

Màu sắc của răng nanh trên chủ yếu là màu 3M3 (16/64 = 25.0%) và 2M3 (13/64 = 20.31%) sau đấy là 2R2.5 (9/13 = 14.06%), như vậy màu răng nanh tối màu hơn so với 2 răng cửa giữa và bên cũng như răng hàm nhỏ

Màu răng hàm nhỏ trên chủ yếu phân bố không tập trung và rải rác ở các dải màu như 3M2 (12/64 = 18.75%), 2R2.5 (9/64 = 14.06%), 2M2 (8/64 = 12.50%)

Đa số trường hợp màu răng hàm nhỏ trên cùng màu với răng cửa trên, chỉ có 4 trường hợp là màu răng cửa trên màu tối hơn răng hàm nhỏ

Màu của 4 răng cửa dưới chủ yếu có màu 3M2 (23/64 = 35.94%) sau đấy là 2M2 (9/64 = 14.06%)

Màu của 2 răng nanh dưới chủ yếu có màu 3M3 (25/64 = 39.06%) sau đấy là 2M3 (12/64 = 18.75%)

Màu của răng hàm nhỏ dưới chủ yếu là màu 3R2.5 (16/64=25.0%) và 3M2 (15/64=23.44%)

Màu trung tính (M) và chiếm khoảng 50% còn lại là nhóm màu L (tông vàng) và R (tông đỏ) không có răng nằm trong độ sáng (value) ở độ 1 và 5

Bảng 3.2. Đặc điểm màu răng theo các giá trị mức độ sáng (value)

| | | Nam | | Nữ | | Tổng số | | P |
|----------------------|------|-----|-------|----|-------|---------|-------|-------|
| | | n | % | n | % | n | % | |
| Nhóm răng cửa trên | Độ 1 | 0 | 0,0% | 1 | 1,5% | 1 | 1,5% | >0,05 |
| | Độ 2 | 9 | 13,8% | 19 | 29,2% | 28 | 43,1% | |
| | Độ 3 | 10 | 15,4% | 23 | 35,4% | 33 | 50,8% | |
| | Độ 4 | 2 | 3,1% | 1 | 1,5% | 3 | 4,6% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |
| Độ răng nanh trên | Độ 1 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | >0,05 |
| | Độ 2 | 7 | 10,8% | 19 | 29,2% | 26 | 40,0% | |
| | Độ 3 | 11 | 16,9% | 24 | 36,9% | 35 | 53,8% | |
| | Độ 4 | 3 | 4,6% | 1 | 1,5% | 4 | 6,2% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |
| Độ răng hàm nhỏ trên | Độ 1 | 0 | 0,0% | 1 | 1,5% | 1 | 1,5% | >0,05 |
| | Độ 2 | 8 | 12,3% | 19 | 29,2% | 27 | 41,5% | |
| | Độ 3 | 11 | 16,9% | 24 | 36,9% | 35 | 53,8% | |
| | Độ 4 | 2 | 3,1% | 0 | 0,0% | 2 | 3,1% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |

Nhận xét: Tỷ lệ phân bố màu sắc răng ở Độ 3 là cao nhất ở cả 3 nhóm răng (nhóm răng cửa (50,8%), nhóm răng nanh (53,8%), nhóm răng hàm nhỏ (53,8%) và tương đối ngang nhau giữa hai giới nam và nữ (p>0,05).

Tỷ lệ màu sắc răng ở Độ 2 xếp sau với nhóm răng cửa 43,1%, nhóm răng nanh 40% và nhóm răng hàm nhỏ khoảng 41,5%.

Độ 1 chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ là 1,5% và không có đối tượng nào có màu sắc theo Độ 5. Khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05).

Bảng 3.3. Mức độ sáng (value) của răng trước hàm dưới

| | | Nam | | Nữ | | Tổng số | | P |
|-------------------|------|-----|-------|----|-------|---------|-------|-------|
| | | n | % | n | % | n | % | |
| Độ răng cửa dưới | Độ 1 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | <0,05 |
| | Độ 2 | 6 | 9,4% | 11 | 17,2% | 17 | 26,6% | |
| | Độ 3 | 12 | 18,8% | 32 | 50,0% | 44 | 68,8% | |
| | Độ 4 | 3 | 4,7% | 0 | 0,0% | 3 | 4,7% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |
| Độ răng nanh dưới | Độ 1 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | >0,05 |
| | Độ 2 | 5 | 7,8% | 11 | 17,2% | 16 | 25,0% | |
| | Độ 3 | 11 | 17,2% | 28 | 43,8% | 39 | 60,9% | |
| | Độ 4 | 5 | 7,8% | 4 | 6,3% | 9 | 14,1% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |

| | | | | | | | | |
|-----------------------------|------|----|-------|----|-------|----|-------|-------|
| Độ răng hàm nhỏ dưới | Độ 1 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | <0,05 |
| | Độ 2 | 5 | 7,8% | 11 | 17,2% | 16 | 25,0% | |
| | Độ 3 | 13 | 20,3% | 32 | 50,0% | 45 | 70,3% | |
| | Độ 4 | 3 | 4,7% | 0 | 0,0% | 3 | 4,7% | |
| | Độ 5 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | |

Nhận xét: Tỷ lệ phân bố màu răng ở Độ 3 là cao nhất ở cả 3 nhóm răng (nhóm răng cửa (68,8%), nhóm răng nanh (6%), nhóm răng hàm nhỏ (70,3%)) và tương đối ngang nhau giữa hai giới nam và nữ.

Tỷ lệ màu răng ở Độ 2 xếp sau với nhóm răng cửa khoảng 26,6%, nhóm răng nanh 25% và nhóm răng hàm nhỏ 25%. Độ 1 và Độ 5 không có đối răng nào.

Tỷ lệ phân bố màu sắc răng ở nhóm răng cửa dưới và nhóm răng hàm nhỏ dưới khác biệt nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) nhưng không khác biệt với ở nhóm răng nanh dưới ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Hiện nay có nhiều phương pháp đánh giá màu răng: sử dụng bảng so màu bằng băng giấy, sử dụng màu hoặc nhựa acrylic, sử dụng phổ quang kế, sắc kế và kỹ thuật phân tích hình ảnh theo Joiner [1]. trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng bảng so màu Vita 3D Master. Màu sắc theo bảng Vita 3D Master xác định màu theo phổ màu Munsell: Value (độ sáng tối), Chroma (độ bão hoà màu), Hue (tông màu). Phương pháp trực quan này mang tính chủ quan phụ thuộc vào người quan sát và các yếu tố ảnh hưởng tới sự so màu: ánh sáng, thời gian trong ngày, điều kiện thời tiết, môi trường xung quanh, các yếu tố liên quan đến tuổi, kinh nghiệm làm việc, mệt mỏi và trạng thái cảm xúc. mặc dù độ chính xác không đảm bảo hoàn toàn nhưng sẽ là một yếu tố tham khảo cho đồng nghiệp.

Nếu so sánh với nghiên cứu màu răng cửa giữa và bên hàm trên của Sumanth và cs [4] trên người 100 người ấn độ từ 16-55 tuổi cho thấy giá trị độ sáng value chủ yếu ở độ 2 (51%), độ 3 là 23%, độ 1 là 26% thì các kết quả nghiên cứu của chúng tôi với value độ 3 là 50,8% và value độ 2 là 43,1% cho thấy màu răng của thanh niên người Việt nam có xu hướng tối màu hơn người ấn độ. Điều này cũng tương tự khi so sánh với nghiên cứu của Dilesh Pradhan và cs [5] trên 338 người Nepal cho thấy răng màu sáng chiếm 47.04%. Mặc dù đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là người trẻ. Có thể màu răng của người Việt nam bị ảnh hưởng bởi yếu tố di

truyền hoặc cũng có thể do thói quen của giới trẻ thích ăn uống những thực phẩm gây ảnh hưởng đến màu răng. như uống cà phê, trà.... cũng có thể do yếu tố môi trường, bao gồm nước uống và chất lượng nước, có thể có ảnh hưởng đến màu răng.

V. KẾT LUẬN

Phân tích màu sắc răng cho 64 sinh viên độ tuổi 20-24, với tỷ lệ nữ cao hơn nam khoảng 2 lần. chúng tôi có một số kết luận sau:

Màu sắc răng trước phía trên của đa số sinh viên tham gia nghiên cứu có độ sáng (Value) ở mức độ 3 (nhóm răng cửa (50,8%), nhóm răng nanh (53,8%), nhóm răng hàm nhỏ (53,8%)), sau đây là mức độ 2 nhóm răng cửa 43,1%, nhóm răng nanh 40% và nhóm răng hàm nhỏ khoảng 41,5%

Màu răng trước hàm dưới thì có màu tối hơn so với nhóm răng trước hàm trên với mức độ sáng (Value) độ 3 cả 3 nhóm răng (nhóm răng cửa (68,8%), nhóm răng nanh (60,9%), nhóm răng hàm nhỏ (70,3%)). Màu răng sáng ở độ 2 nhóm răng cửa chiếm 26,6%, nhóm răng nanh chiếm 25% và nhóm răng hàm nhỏ chiếm 25%. Độ 1 và Độ 5 không có răng nào, và sự khác biệt về giới không có ý nghĩa thống kê.

Màu trung tính (M) và chiếm khoảng 50% còn lại là nhóm màu L (tông vàng) và R (tông đỏ)

Đa số đối tượng nghiên cứu có màu răng cửa trên gần tương đồng với màu răng hàm nhỏ trên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Joiner, A.**, Tooth colour: a review of the literature. J Dent, 2004. 32 Suppl 1: p. 3-12.
2. **al., S.P.e.**, <Extrinsic staExtrinsic stains and management: A new insight. J. Acad. Indus. Res, 2013. Vol. 1(8) p. 345-422.
3. **Oanh, N.Q.T.V.T.N.**, Trạng trạng nhiễm fluor và bệnh răng miệng ở trẻ 9-11 tuổi tại nông thôn Thái Bình. Y Học Việt Nam, 2007. 12: p. 1-5.
4. **Veeraganta, S.K., et al.**, Differences in tooth shade value according to age, gender and skin color: A pilot study. J Indian Prosthodont Soc, 2015. 15(2): p. 138-41.
5. **Pradhan, D., L. Shrestha, and J. Lohani**, Tooth Shade and Skin Colour: A Descriptive Cross-Sectional Study. JNMA J Nepal Med Assoc, 2020. 58(223): p. 144-147.